

Phụ lục X
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
(Kèm theo Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012
của Bộ Tài chính)

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VFA
Số: 154

BÁO CÁO
Tình hình hoạt động năm 2018
(từ 01/01 đến 31/12)

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện quy định của Thông tư số 203/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, Công ty TNHH Kiểm toán VFA báo cáo tình hình hoạt động năm 2018 như sau:

1. Tình hình nhân viên:

Chỉ tiêu	Năm nay		Năm trước	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
I. Tổng số nhân viên đến 31/12	36	100	42	100
Trong đó:				
1. Nhân viên chuyên nghiệp	31	86	37	88
2. Nhân viên khác	5	14	5	12
II. Số người có chứng chỉ kiểm toán viên Việt Nam	8	100	9	100
1. Người Việt Nam	8	100	9	100
2. Người nước ngoài				
III. Số người được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán tại doanh nghiệp	8	100	8	100
1. Người Việt Nam	8	100	8	100
2. Người nước ngoài				
IV. Số người chỉ có Chứng chỉ KTV nước ngoài	0	0	0	0
1. Người Việt Nam				
2. Người nước ngoài				
V. Số người có Chứng chỉ hành nghề kế toán	0	0	0	0
VI. Số người có Thẻ thẩm định viên về giá	2		3	
VII. Số người có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế	0	0	0	0



2. Tình hình doanh thu:

2.1. Cơ cấu doanh thu theo loại dịch vụ:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm nay		Năm trước	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Tổng doanh thu	17.903.218.278	100	21.442.905.502	100
Trong đó:				
1. Kiểm toán báo cáo tài chính	1.125.800.000	6,28	2.320.480.910	10,82
2. Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành	16.777.418.278	93,72	19.122.424.592	89,18
3. Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính				
4. Dịch vụ kế toán				
5. Dịch vụ tư vấn thuế				
6. Dịch vụ thẩm định giá tài sản				
7. Dịch vụ tư vấn tài chính, quản lý, tư vấn nguồn nhân lực, ứng dụng công nghệ thông tin				
8. Dịch vụ bồi dưỡng tài chính, kế toán, kiểm toán				
9. Dịch vụ liên quan khác				

2.2. Cơ cấu doanh thu theo đối tượng khách hàng:

Đơn vị tính: VND

Đối tượng khách hàng	Năm nay			Năm trước		
	Số lượng khách hàng	Doanh thu		Số lượng khách hàng	Doanh thu	
		Số tiền	Tỷ lệ (%)		Số tiền	Tỷ lệ (%)
Tổng doanh thu	152	17.903.218.278	100	281	21.442.905.502	100
A. Theo loại hình doanh nghiệp, tổ chức						
1. Công ty cổ phần						
- Công ty cổ phần niêm yết						
- Công ty cổ phần chưa niêm yết	34	3.968.686.836	22,17	52	2.307.594.836	10,76
2. Công ty TNHH	25	2.770.272.528	15,47	35	3.678.951.275	17,16
3. Công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã	20	1.716.847.683	9,59	45	2.604.435.048	12,15
4. Đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức đoàn thể xã hội	58	8.582.945.778	47,94	80	7.582.945.778	35,36
5. Dự án quốc tế, tổ chức khác	15	864.465.453	4,83	69	5.268.978.565	24,57
B. Theo hình thức sở hữu						
1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	10	436.363.363	2,44	8	380.181.819	1,77
2. Doanh nghiệp nhà nước	73	9.447.411.231	52,77	128	8.731.739.212	40,72
3. Doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức khác	69	8.019.443.684	44,79	145	12.330.984.471	57,51
C. Theo tính chất và quy mô hoạt động						
1. Các đơn vị có lợi ích công chúng	0	0	0	0	0	0
2. Doanh nghiệp, tổ chức khác	152	17.903.218.278	100	281	21.442.905.502	100

3. Kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Tổng số vốn điều lệ ⁽¹⁾	6.000.000.000	6.000.000.000
2. Tổng số vốn kinh doanh (vốn chủ sở hữu) thực tế ⁽²⁾	6.406.061.770	6.394.159.100
3. Kết quả kinh doanh sau thuế (Lãi +; Lỗ -)	15.316.028	13.214.824
4. Nộp Ngân sách		
- Thuế Giá trị gia tăng	2.071.728.640	1.838.859.667
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	55.537.631	40.780.510
- Thuế và các khoản phải nộp khác		
5. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (%)	0,085	0,062
6. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (%)	0,239	0,207
7. Số trích Quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp trong năm ⁽²⁾	89.516.091	107.214.527
8. Số dư Quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp ⁽²⁾	466.976.365	377.460.274

8-C.7
TỶ
HỮU H
TOÁN
FA
V. TP

4. Những thay đổi trong năm:

- Về thay đổi Đăng ký kinh doanh: Điều chỉnh lần thứ 13 ngày 27/9/2018 về thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Phần vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Đỗ Quốc Bảo	2.700.000.000	45%
2	Trần Xuân Hà	1.500.000.000	25%
3	Vũ Tạ Cao	1.500.000.000	25%
4	Nguyễn Vĩnh Thành	300.000.000	5%
	Cộng	6.000.000.000	100%

- Về tăng/giảm KTV:

Về tăng KTV: Bổ sung 02 kiểm toán viên

STT	Tên thành viên	Số ĐKHNKT	Ngày cấp
1	Vũ Tạ Cao	4440-2018-154-1	12/9/2018
2	Đoàn Thị Mai	4023-2018-154-1	10/1/2018

Về giảm KTV: Thuyên giảm 02 Kiểm toán viên: Nguyễn Minh Sỹ và Lưu Quang Tuấn kể từ ngày 01/6/2018.

5. Thuận lợi, khó khăn và các kiến nghị, đề xuất hoặc thông tin khác công ty cần cung cấp cho Bộ Tài chính:

- Thuận lợi: Khách hàng nhận thức đầy đủ hơn về yêu cầu kiểm toán để phối hợp cùng kiểm toán viên; các quy định và hướng dẫn chuyên ngành kế toán, kiểm toán dần hoàn thiện.
- Khó khăn: Cạnh tranh cao về giá phí giữa các công ty kiểm toán vừa và nhỏ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và chất lượng chuyên môn.
- Kiến nghị:
 - Bộ Tài chính: Tăng cường hỗ trợ các công ty kiểm toán quy mô nhỏ bằng các quy định phù hợp; Vụ Chế độ cần tổ chức gặp gỡ định kỳ để trao đổi về những vướng mắc pháp lý.
 - VACPA: Cần cải tiến nội dung và phương pháp cập nhật kiến thức, sinh hoạt hội viên cá nhân của Hội; tiếp tục tăng cường gặp gỡ liên kết giữa các hội viên tập thể.
- Thông tin khác: Không

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2019
Người đại diện theo pháp luật

